

Bản án số: 35/2026/DS-ST

Ngày: 03-3-2026

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuấn Em

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hai

Bà Trần Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Ngọc Thanh Vy - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 8 – Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Hữu Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 8 - Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 361/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2026/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2026/QĐST-DS ngày 03 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty T1 (Việt Nam).

Địa chỉ: Số I, P phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền nguyên đơn Công ty T1: Bà Nguyễn Thị Lan A. Chuyên viên pháp lý công ty L.

Địa chỉ liên hệ: Phòng số 401, Tầng D, Tòa nhà số G T, Phường T, TP ..

Là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 22/2025/GUQ-MAFC ngày 17/4/2025).

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Thúy S, sinh ngày 17/10/2001.

Địa chỉ: Số A, khóm K, phường S, tỉnh Đồng Tháp.

Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn là chị Lan A vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt, bị đơn chị Nguyễn Thị Thúy S vắng mặt không lý

do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty T1 (Việt Nam) là chị Nguyễn Thị Lan A có đơn xin vắng mặt nhưng trong quá trình tham gia tố tụng có ý kiến trình bày:

Ngày 17/10/2023, Công ty T1) (sau đây gọi tắt là Công ty T1) ký Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số: 4997401 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) về việc cấp tín dụng cho chị Nguyễn Thị Thúy S với khoản vay trị giá 38.772.000 đồng, lãi suất vay 58%/năm, thời hạn vay 24 tháng (từ ngày 19/10/2023 đến ngày 05/10/2025). Sau khi ký kết, Công ty T1 đã giải ngân theo đúng quy định, phương thức giải ngân là Công ty chuyển vào số tài khoản của chị S được mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V1) số tiền 36.000.000 đồng (có xác nhận là Phiếu báo nợ của Ngân hàng thương mại cổ phần K (T2) kèm theo) và số tiền 2.772.000 đồng là khoản tiền bảo hiểm chị S mua tại Công ty B, Công ty đã chuyển tiền thay cho chị S khoản tiền này vào Công ty Bảo hiểm theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và chị Nguyễn Thị Thúy S có nghĩa vụ thanh toán gốc và lãi hàng tháng vào ngày 05 trong kỳ hạn 24 tháng kể từ ngày 05/11/2023 đến ngày 05/10/2025.

Tuy nhiên sau khi được giải ngân, chị Nguyễn Thị Thúy S chỉ thanh toán được 14 kỳ (15 lần) vào các ngày 01/11/2023, 05/12/2023, 05/01/2024, 05/02/2024, 05/03/2024, 05/04/2024, 04/05/2024, 05/06/2024, 04/07/2024, 04/08/2024, 05/09/2024, 04/10/2024, 04/11/2024, 05/12/2024 và 05/07/2025 (lần trả tiền 15 trả tiền không đầy đủ nên không tính 01 kỳ) với tổng số tiền đã thanh toán là 39.178.245 đồng, kể từ 06/12/2024 chị Nguyễn Thị Thúy S đã không thanh toán theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay mà phía Công ty T1 đã giải ngân nên chị S đã vi phạm theo Điều 11, Bản điều khoản và điều kiện cho vay (kèm theo hợp đồng).

Công ty T1 đã tiến hành liên hệ qua điện thoại đề nghị chị Nguyễn Thị Thúy S thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình theo hợp đồng. Đồng thời, Công ty T1 cũng đã gửi thư đề nghị thực hiện nghĩa vụ thanh toán, để thông báo trực tiếp cho chị Nguyễn Thị Thúy S biết về việc hoàn thành nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng. Tuy nhiên, chị Nguyễn Thị Thúy S vẫn không có bất kỳ hành động thực tế nào thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng cho phía Công ty T1.

Do đã gửi thông báo nhắc nợ nhưng chị Nguyễn Thị Thúy S vẫn cố tình không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo HĐTD cho phía Công ty. Nay Công ty T1 yêu cầu chị Nguyễn Thị Thúy S phải thanh toán toàn bộ khoản vay còn nợ tạm tính đến ngày 02/10/2025 là 33.337.553 đồng, trong đó: nợ gốc 21.327.519 đồng, lãi trong hạn 5.736.482 đồng, lãi quá hạn 5.982.233 đồng và lãi chậm trả

291.319 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 03/10/2025 cho đến khi thi hành xong khoản nợ cho công ty.

Ngoài ra, Công ty T1 (V) không còn yêu cầu gì khác.

*** Bị đơn chị Nguyễn Thị Thúy S:** Từ khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ (tổng đạt trực tiếp, niêm yết công khai) thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, các giấy triệu tập và các văn bản tố tụng hợp lệ khác tại nơi cư trú chị S, Ủy ban nhân dân phường S, trụ sở Tòa án nhưng chị S không có văn bản nêu ý kiến, không đến Tòa án để làm việc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử (HĐXX) nghị án cơ bản đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên Thẩm phán còn vi phạm thời hạn thông báo nộp tạm ứng án phí và gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát. Riêng bị đơn chị S không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 100, 102, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T1 (Việt Nam).

Buộc chị Nguyễn Thị Thúy S phải trả cho Công ty T1 (Việt Nam) số tiền vốn gốc còn lại, lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả tạm tính đến ngày 02/10/2025 là 33.337.553 đồng, trong đó: nợ gốc 21.327.519 đồng, lãi trong hạn 5.736.482 đồng, lãi quá hạn 5.982.233 đồng và lãi chậm trả 291.319 đồng và tiếp tục trả lãi trên dư nợ gốc từ ngày 03/10/2025 theo mức lãi suất thỏa thuận tại đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số: 4997401 ngày 17/10/2023 cho đến khi trả xong các khoản nợ.

Về án phí dân sự sơ thẩm, đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về

hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025. Bị đơn có nơi cư trú tại phường S, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Đồng Tháp theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025.

[2]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lan A có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị Nguyễn Thị Thúy S vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ. Do đó, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Lan A, chị S theo quy định.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

[3.1]. Hội đồng xét xử xét thấy: Về trình tự thủ tục và nội dung xác lập tại đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số: 4997401 ngày 17/10/2023 giữa bên cho vay là Công ty T1 (Việt Nam) và bên vay là chị Nguyễn Thị Thúy S là phù hợp với quy định của pháp luật, được công nhận, có hiệu lực, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

[3.2]. Trong quá trình thực hiện tại đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số: 4997401 ngày 17/10/2023, chị S đã vi phạm hợp đồng chưa trả đầy đủ vốn và lãi cho Công ty T1 (Việt Nam) theo như Hợp đồng đã ký kết. Trong quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn yêu cầu chị Nguyễn Thị Thúy S trả cho Công ty T1 (Việt Nam) tổng số tiền tạm tính đến ngày ngày 02/10/2025 là 33.337.553 đồng, trong đó: nợ gốc 21.327.519 đồng, lãi trong hạn 5.736.482 đồng, lãi quá hạn 5.982.233 đồng và lãi chậm trả 291.319 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 03/10/2025 theo thỏa thuận tại đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số: 4997401 ngày 17/10/2023 cho đến ngày thanh toán xong nợ là phù hợp, có cơ sở nên chấp nhận.

[3.3]. Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Thúy S, qua xác minh chị S có đăng ký thường trú tại số A, khóm K, phường S, tỉnh Đồng Tháp (Địa chỉ cũ: Số A, ấp K, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp). Kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ (niêm yết công khai) thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, các giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác tại nơi cư trú chị S, Ủy ban nhân dân phường S nhưng chị S không có văn bản nêu ý kiến, không đến Tòa án để làm việc, cũng như không đến tham dự phiên tòa.

[3.4]. Từ những căn cứ trên, buộc chị Nguyễn Thị Thúy S có trách nhiệm trả cho Công ty T1 (Việt Nam) tổng số tiền vốn và lãi còn nợ của đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số: 4997401 ngày 17/10/2023 tạm tính đến ngày 02/10/2025 là 33.337.553 đồng, trong đó: nợ gốc 21.327.519 đồng, lãi trong

hạn 5.736.482 đồng, lãi quá hạn 5.982.233 đồng và lãi chậm trả 291.319 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 03/10/2025 theo thỏa thuận tại đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số: 4997401 ngày 17/10/2023 cho đến ngày thanh toán xong nợ là phù hợp, có cơ sở nên chấp nhận.

[4]. Đối với ý kiến của của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Đồng Tháp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên chị S phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 100, 102 và 103 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn lãi, lãi suất, phạt vi phạm trong hợp đồng vay tài sản;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T1 (Việt Nam).

Buộc chị Nguyễn Thị Thúy S trả cho Công ty T1 (Việt Nam) tổng số tiền vốn và lãi còn nợ của đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số: 4997401 ngày 17/10/2023 tạm tính đến ngày 02/10/2025 là 33.337.553 đồng, trong đó: nợ gốc 21.327.519 đồng, lãi trong hạn 5.736.482 đồng, lãi quá hạn 5.982.233 đồng và lãi chậm trả 291.319 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 03/10/2025 theo thỏa thuận tại đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số: 4997401 ngày 17/10/2023 cho đến ngày thanh toán xong nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị Thúy S phải chịu 1.666.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho Công ty T1 (Việt Nam) số tiền tạm ứng án phí đã nộp 833.000 đồng theo biên lai số 0007632 ngày 11/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Khu vực 8-ĐT;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Đường sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tuấn Em